

THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

(Ban hành kèm theo Công văn số /BVĐK-DT ngày tháng năm 2024)

(Đến thời điểm 31/12/2023)

Stt	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/gh ế răng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
					Tham gia khám bệnh, chẩn đoán, điều trị và làm hênh	Khoa Nội tim mạch	3	15	115	345
						Khoa Nội tổng hợp	1	5	133	399
						Khoa Nội hô hấp	2	10	40	120
						Khoa Nội CXK	3	15	40	120
						Khoa Nội tiết	2	10	70	210
						Khoa Nội E	3	15	25	75

Stt	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/gh ế răng
1	CK627220	Chuyên khoa I	Nội khoa	Nội tổng hợp	Chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa. Thực hiện thủ thuật nội khoa thông thường.	Khoa Truyền nhiễm	2	10	90	270
						Khoa Hồi sức tích cực & phòng chống độc	2	10	25	75
						Khoa Cấp cứu	2	10	10	30
						Khoa Đột quỵ	2	10	40	120
						Khoa Nội thận tiết niệu	2	10	30	90
						KBYC	1	5		
						Khám bệnh	2	10	30	90
						Khoa Thần Kinh	2	10	65	195
						Khoa PHCN	2	10	25	75
Cộng hệ Nội							31	155	738	2214

Stt	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/gh ế răng
2	CK627207	Chuyên khoa I	Ngoại khoa	Ngoại tổng hợp	Chẩn đoán và điều trị Ngoại khoa. Phẫu thuật - thủ thuật.	Khoa Ngoại tổng hợp	4	20	100	300
						Khoa Ngoại thận TN	3	15	60	180
						Khoa Chấn thương	4	20	85	255
						Khoa Ngoại TK-SN	2	10	65	195
						Khoa Khám bệnh yêu cầu	2	10	30	90
						TT Ung bướu	4	20	210	630
Cộng hệ Ngoại							19	95	550	1650
						Khoa Nội tim mạch	3	15	115	345
						Khoa Nội tổng hợp	1	5	133	399
						Khoa Nội hô hấp	2	10	40	120

Stt	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ghế răng
3	7720101	Đại học	Y đa khoa	Nội tổng hợp	Tham gia khám bệnh, chẩn đoán, điều trị và làm bệnh án các bệnh nội khoa. Thực hiện thủ thuật nội khoa thông thường.	Khoa Nội CXK	3	15	40	120
						Khoa Nội tiết	2	10	70	210
						Khoa Nội E	3	15	25	75
						Khoa Truyền nhiễm	2	10	90	270
						Khoa Hồi sức tích cực & phòng chống độc	2	10	25	75
						Khoa Cấp cứu	2	10	10	30
						Khoa Đột quy	2	10	40	120
						Khoa Nội thận tiết niệu	2	10	30	90
						KBYC	1	5		
						Khám bệnh	2	10	30	90

Stt	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ghế răng
						Khoa Thần Kinh	2	10	65	195
						Khoa Phục hồi chức năng	2	10	25	75
Cộng hệ Nội							31	155	738	2214
4	7720101	Đại học	Y đa khoa	Ngoại tổng hợp	Chẩn đoán và điều trị Ngoại khoa. Phẫu thuật - thủ thuật.	Khoa Ngoại tổng hợp	4	40	100	300
						Khoa Ngoại thận TN	3	30	60	180
						Khoa Chấn thương	4	40	85	255
						Khoa Ngoại TK-SN	2	20	65	195
						Khoa Khám bệnh yêu cầu	2	20	30	90
						TT Ung bướu	4	40	210	630
Cộng hệ Ngoại							19	190	550	1650

Stt	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/gh ế răng
Cộng Y đa khoa							50	345	1288	3864
5	7720101	Đại học	Y đa khoa/ chuyên khoa	Y đa khoa/ CK Răng	Khám, chẩn đoán, và xử trí. Thủ thuật. Tur vấn	Khoa Răng Hàm Mặt	3	15	25	75
				Học việc/ CK Tai Mũi Họng	Khám, chẩn đoán, và xử trí. Thủ thuật. Tur vấn	Khoa Tai Mũi Họng	3	15	30	90
				Học việc/C K Da liều	Khám, chẩn đoán, và xử trí. Thủ thuật. Tur vấn	Khoa Da liễu	1	5	16	48

Stt	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/gh ế răng
				Học việc/ CK Mắt	Khám, chẩn đoán, và xử trí. Thủ thuật. Tư vấn	Khoa Mắt	1	5	15	45
				Học việc/ BS YHCT	Khám, chẩn đoán, và xử trí. Thủ thuật. Tư vấn	Khoa YHCT	1	5	15	45
Cộng chuyên khoa							9	40	86	258
6	7720201	Đại học	Dược học/ Dược lâm sàng	Dược thực hành	Dược lâm sàng và công tác dược bệnh viện	Khoa Dược	7	35	0	0
Cộng Đại học Dược							7	35	0	0
						Khám bệnh	1	5		

Stt	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/gh ế răng
						KBYC	2	10	30	90
						Khoa Nội tim mạch	3	15	115	345
						Khoa Nội tổng hợp	3	15	133	399
						Khoa Nội hô hấp	1	5	40	120
						Khoa Nội CXK	1	5	40	120
						Khoa Nội tiết	2	10	70	210
						Khoa Nội E	3	15	25	75
						Khoa Truyền nhiễm	3	15	90	270

Stt	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/gh ế răng
7	7720301	Đại học/ Cao đẳng	Điều dưỡng	Điều dưỡng đa khoa	Quản lý điều dưỡng Thực hành chăm sóc điều dưỡng. Thực hành tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và gia đình người bệnh.	Khoa Hồi sức tích cực & phòng chống độc	2	10	25	75
						Khoa Cấp cứu	2	10	10	30
						Khoa Đột quỵ	2	10	40	120
						Khoa LM - TNT	1	5	30	90
						Khoa Nội thân tiết niệu	1	5	65	195
						Khoa Thần Kinh	3	15	16	48
						Khoa Da liễu	1	5	31	93
						Khoa Y học cổ truyền	1	5	25	75
						Khoa Phục hồi chức năng	1	5	25	75

Stt	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/gh ế răng
						Khoa Ngoại tổng hợp	3	15	100	300
						Khoa Ngoại thận TN	3	15	60	180
						Khoa Chấn thương	3	15	85	255
						Khoa Ngoại TK-SN	2	10	65	195
						TT Ung bướu	3	15	210	630
						Khoa Răng Hàm Mặt	2	10	25	75
						Khoa Tai Mũi Họng	2	10	30	90
						Khoa Mắt	1	5	15	45
						Khoa CDHA	1	5		

Stt	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/gh ế răng
Cộng Đại học/ Cao đẳng điều dưỡng							53	265	1400	4200
8	7720601	Đại học/ Cao đẳng	Kỹ thuật viên	Kỹ thuật viên hình ảnh	Quản lý kỹ thuật viên, thực hành công việc của KTV hình ảnh	Khoa CDHA	9	45		
							TT Ung bướu	1	5	210
					Kỹ		Khoa Huyết học - Truyền máu	2	10	

Stt	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/gh ế răng
				Kỹ thuật viên Xét nghiệm	Quản lý kỹ thuật viên, thực hành công việc của KTV xét nghiệm	Khoa Hoá sinh - Vi sinh	3	15		
Cộng Đại học/ Cao đẳng Kỹ thuật viên							15	75	210	630

Chú thích.

- 100% người giảng dạy thực hành tại các khoa có trình độ từ cao đẳng trở lên đã có chứng chỉ giảng viên lâm sàng và đối với trình độ Thạc sỹ và chuyên khoa cấp II đã đáp ứng yêu cầu về bồi dưỡng phương pháp dạy - học lâm sàng trong quá trình đào tạo.
- Được lựa chọn là cơ sở thực hành của trường Đại học Y Hà Nội và trường Đại học Y dược Thái Bình.
- 100% các cơ sở giáo dục đều có chương trình, kế hoạch và hợp đồng đào tạo thực hành theo quy định nghị định 111/2017/NĐ-CP.
- Sinh viên thực tập theo đúng kế hoạch của cơ sở đào tạo và thực hiện đảo nhóm giữa các hệ./.